

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 804/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31 – 7 – 2020
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Công Khả

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

2/ Bà Nguyễn Thị Nhơn

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phan Hoàng Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 2459/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2020/QĐST-HNGĐ ngày 06/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Dương Thị Hồng V, sinh năm: 1983

Địa chỉ: 347/13 đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: ông Nguyễn Thế T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: 347/13 đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/12/2019, bản tự khai ngày 08/01/2020 tại Tòa án thì nguyên đơn bà Dương Thị Hồng V trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thế T tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường B quận Bình

Thanh, theo giấy kết hôn số: 71 ngày 26/04/2018. Thời gian đầu chung sống cũng hạnh phúc nhưng sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến xích mích cãi vã. Ông T đã đánh bà khiến bà phải ôm con về nhà mẹ ở Bình Thuận sinh sống. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, bà đề nghị ly hôn với ông Nguyễn Thế T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà V, và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 03/11/2018. Bà V, đề nghị nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thế T nhiều lần vắng mặt mặc dù được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa, các đương sự vắng mặt nên không trình bày ý kiến.

Tại phiên Tòa, đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

1. Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự quy định tại các Điều 70, Điều 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải đóng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 19/12/2019 nguyên đơn bà Dương Thị Hồng V nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thế T. Đây là quan hệ tranh chấp về việc “Ly hôn”. Bị đơn ông Nguyễn Thế T hiện đang cư trú tại 347/13 đường A, Phường B, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án

thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa cho các đương sự, tuy nhiên nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Dương Thị Hồng V và ông Nguyễn Thế T chung sống với nhau từ năm 2018 và đã đăng ký kết hôn ngày 26 tháng 4 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường B quận Bình Thạnh, theo giấy kết hôn số: 71 ngày 26/4/2018, do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn và biên bản hoà giải không thành nhận thấy: Việc mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa bà V, và ông T là có căn cứ do bà V, và ông T không có sự tin tưởng và chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông T nhiều lần vắng mặt mặc dù được tổng đạt hợp lệ. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông T không tiếp xúc gặp gỡ bà V, để hàn gắn đã thể hiện việc không thực sự nỗ lực và mong muốn hàn gắn quan hệ hôn nhân. Tại các bản tự khai ngày 08/01/2020 của nguyên đơn cho thấy ông T không quan tâm tới mẹ con bà V, thậm chí còn nhiều lần đánh đập, điện thoại chửi bới. Điều đó chứng tỏ ông T không quan tâm, chăm sóc mẹ con bà V. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Về con chung: hai bên có 01 con chung tên Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 03/11/2018. Xét thấy trẻ Nguyễn Dương Gia H hiện nay dưới 36 tháng tuổi và đang được bà V, trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết ly hôn ông T vắng mặt và không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh bà V, không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ Nguyễn Dương Gia Huy. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ Nguyễn Dương Gia H cho bà Dương Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng sẽ đảm bảo việc phát triển bình thường về tâm sinh lý của trẻ. Về cấp dưỡng nuôi con bà V, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: nguyên đơn xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu nộp, miễn giảm, miễn nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí DSST với số tiền là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Dương Thị Hồng V

- Về quan hệ hôn nhân: bà Dương Thị Hồng V được ly hôn với ông Nguyễn Thế T .

- Về con chung: giao trẻ Nguyễn Dương Gia H sinh ngày 03/11/2018 cho bà Dương Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng. Bà V, không yêu cầu ông Nguyễn Thế T cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Thế T được quyền thăm nom con, chăm sóc và có nghĩa vụ giáo dục con chung. Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng thì một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu toà thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có.

- Nợ chung: không có.

2. Về án phí: Bà Dương Thị Hồng V phải nộp tiền án phí sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà V, đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0017483 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà V đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS q.Bình Thạnh;
- Đường sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Công Khả

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Khả

